

Môn học: Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 08
(BCJ2) Lê Thanh Hải (260040)

Số GV chỉ đạo:

Số GV hướng dẫn:

Số GV thực hiện:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Ngày thi	Số bài thi	Chữ ký SV	Điểm lý thuyết (%)	Điểm thực hành (%)	Điểm tổng hợp	Tên điểm vàng trên cho điểm ngay
1	2120120420	NGUYỄN THỊ CHỊ	23/04/2002	CCQ2012M						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
2	2120120452	NGUYỄN THỊ BÌNH	30/08/2002	CCQ2012H						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
3	2120120421	NGUYỄN THỊ THANH	04/06/2002	CCQ2012M						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
4	2120120454	NGUYỄN THỊ DIỄM	27/01/2002	CCQ2012N							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
5	2120120453	TRẦN NGUYỄN KIỀU	23/04/2002	CCQ2012N						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
6	2120120455	TRƯƠNG NGỌC	16/05/2002	CCQ2012N						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
7	2120120456	ĐÀNG LÂM	08/02/2002	CCQ2012N							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
8	2120120457	VŨ THỊ MỸ	05/06/2002	CCQ2012N						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
9	2120120425	HOÀNG TRẦN THẢO	24/09/2002	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
10	2120120694	NGUYỄN THỊ KIM	25/05/2002	CCQ2012M						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
11	2120120458	PHẠM ĐIỀU	18/08/2002	CCQ2012N						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
12	2120120427	LÊ THỊ NGỌC	05/06/2001	CCQ2012M						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
13	2120120573	TRƯƠNG VĂN	06/11/2002	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
14	2120130098	BÙI HỮU	04/11/2002	CCQ2012N						7.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
15	2120120459	NGUYỄN VĂN	14/05/2002	CCQ2012N						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
16	2120120186	ĐỖ QUỲNH MAI	23/01/2002	CCQ2012F						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
17	2120120574	PHAN HỮU	22/01/1998	CCQ2012N						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
18	2120120429	LÊ NGUYỄN ANH	03/09/2002	CCQ2012M							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
19	2120120695	VŨ THỊ NGỌC	22/08/2002	CCQ2012M						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
20	2120120460	NGÔ THỊ HƯƠNG	27/11/2002	CCQ2012N						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 08**
 CBGD: **Lê Thanh Hải (260040)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2120120463	VÕ THỊ TRÚC	29/07/2001	CCQ2012N							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
22	2120120464	ĐẶNG VĂN	02/01/2002	CCQ2012N						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
23	2120120465	THÁI THỊ KIỀU	04/02/2002	CCQ2012N						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
24	2120120466	LƯƠNG THÚY	19/07/2002	CCQ2012N							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
25	2120120430	NGUYỄN THỊ TỖ	16/02/2002	CCQ2012M						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
26	2120120701	NGUYỄN THỊ CẨM	29/05/2002	CCQ2012N						9.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
27	2120120467	NGUYỄN THỊ VINH	25/06/1960	CCQ2012N							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
28	2120120468	HỒ NỮ	02/01/2002	CCQ2012N						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
29	2120120431	LÊ TRUNG	09/05/2002	CCQ2012M						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
30	2120120469	NGUYỄN CHỈ	29/09/2002	CCQ2012N						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
31	2120120432	VŨ THỊ MINH	21/06/2002	CCQ2012M						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
32	2120120433	ĐỖ PHÚC	06/02/2002	CCQ2012M						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
33	2120120471	HỒ THỊ Ý	23/09/2002	CCQ2012N						7.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
34	2120120436	PHÙNG THỊ YẾN	22/07/2002	CCQ2012M							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
35	2120120435	TRẦN THỊ QUỲNH	04/03/2002	CCQ2012M						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
36	2120120437	VÕ THỊ	05/11/2002	CCQ2012M						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
37	2120120472	TRẦN THỊ MỸ	17/06/2001	CCQ2012N						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
38	2120120473	NGUYỄN THÚY	25/08/2002	CCQ2012N							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
39	2120120475	NGUYỄN THANH	08/05/2002	CCQ2012N						8.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8
40	2120120697	TRẦN THỊ THU	09/07/2002	CCQ2012M						8.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 08**

CBGD: **Lê Thanh Hải (260040)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
41	2120120438	TRẦN QUANG QUYỀN	20/11/2002	CCQ2012M						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
42	2120120476	TRẦN THỊ THẢO SƯƠNG	08/08/2002	CCQ2012N						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
43	2120120477	NGÔ VĂN TÀI	08/05/2001	CCQ2012N							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
44	2120170337	NGUYỄN NGỌC TÀI	29/03/2002	CCQ2012M						6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
45	2120120478	NGUYỄN MINH TÂM	13/02/2002	CCQ2012N						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
46	2120120479	NGUYỄN CHẤN TÂY	17/11/2000	CCQ2012N						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
47	2120120442	MA VĂN THÀI	09/05/2002	CCQ2012M						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
48	2119120538	LÊ VĂN THÀNH	26/06/1998	CCQ1912O						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
49	2120120440	NGUYỄN THỊ THAO	20/09/2001	CCQ2012M						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
50	2120120441	TRẦN LÊ PHƯƠNG THẢO	09/11/2002	CCQ2012M						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
51	2120120480	PHẠM THỊ THÚY	09/09/2002	CCQ2012N							(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
52	2120120445	HUỖNH THỊ XUÂN THÚY	02/11/2002	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
53	2120120444	NGUYỄN THỊ THU THÚY	10/04/2002	CCQ2012M						7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
54	2120120443	NGUYỄN THỊ KIM THUYỀN	31/10/2002	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
55	2120120447	ĐOÀN NGUYỄN MINH THƯ	11/12/2002	CCQ2012M						9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
56	2120120698	LÊ ĐỖ MINH THƯ	08/06/2002	CCQ2012M						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
57	2120120483	HUỖNH NGUYỄN NGUYỄN TÍNH	20/04/2002	CCQ2012N						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
58	2120120448	LÊ THANH TRÀ	19/05/2002	CCQ2012M						8.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
59	2120120449	LÊ LAN TRINH	01/04/2002	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)
60	2120120450	LÊ THỊ TRINH	15/06/2002	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8)

Môn học: **Chuyên đề thực tế: Quản trị sản xuất (226201) - Nhóm 08**

CBGD: **Lê Thanh Hải (260040)**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tr
61	2120120575	PHAN ĐÌNH TRỌNG	14/03/2002	CCQ2012N						8.0	(V) (0) (1) (2) (3)
62	2120120451	HỒ THỊ THANH TÚ	17/05/2002	CCQ2012M						8.0	(V) (0) (1) (2) (3)
63	2119120170	BÙI VĂN TUẤN	07/11/1997	CCQ1912E							(V) (0) (1) (2) (3)
64	2120120702	TRẦN THỊ ÁNH TUYẾT	31/12/2002	CCQ2012N						8.5	(V) (0) (1) (2) (3)
65	2120120625	LƯƠNG ÁNH VÂN	02/04/2002	CCQ2012R						Nộp lại	(V) (0) (1) (2) (3)
66	2120120485	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	28/06/2002	CCQ2012N						8.5	(V) (0) (1) (2) (3)
67	2120120486	NGUYỄN ĐÌNH VŨ	01/12/2001	CCQ2012N						6.5	(V) (0) (1) (2) (3)
68	2120120703	TRỊNH THỊ NHƯ YÊN	14/11/2002	CCQ2012N						9.0	(V) (0) (1) (2) (3)